## 1. Logo các trình duyệt

Trong hình ảnh phía trên bạn thấy các logo đại diện, bao gồm:

Trình duyệt	Mô tả logo
Google	Vòng tròn nhiều màu (đỏ, vàng, xanh lá, xanh dương) với trung tâm — biểu tượng nhận
Chrome	diện rất nổi bật.
Mozilla	Con cáo quấn quanh quả cầu — màu cam / vàng & xanh dương.
Firefox	Con cao quan quann qua cau — mau cam / vang & xam dương.
Microsoft	Biểu tượng "e" cách điệu / logo hình sóng — xanh dương / xanh lục.
Edgo	bieu trying e cach dieu / logo mini song — xami drong / xami iuc.

Edge
Safari
La bàn — thường màu xanh dương / trắng, nhỏ gọn, dễ nhận biết đặc trưng cho Apple.

## 2. So sánh hiệu suất, tính năng và bảo mật

Dưới đây là bảng so sánh các yếu tố quan trọng:

trì n h d u y ệt	Hiệu suất (tốc độ, tài nguyên, tương thích)	Tính năng nổi bật	Bảo mật & quyền riêng tư
G o o gl e C hr o m e	Rất nhanh trong nhiều thử nghiệm JS, hỗ trợ tốt web hiện đại, nhiều extensions. Tuy nhiên dùng nhiều RAM / tài nguyên hơn so với một số trình duyệt khác. Intego+3HighSpeedInternet.com+3crossmediadesigns.com	Sync qua tài khoản Google, tích hợp tốt với dịch vụ Google, store extensions lớn, cập nhật thường xuyên. Các tính năng mới (AI, tab grouping, dịch tự động) đang được thêm. HighSpeedInternet.c om+3Tom's Guide+3crossmediad	Mạnh về bảo mật mặc định (sandboxing, Safe Browsing để cảnh báo website độc hại), tuy nhiên nhiều người lo ngại về việc thu thập dữ liệu người dùng.  Intego+2guptadeepak .com+2
M o zil	Tốt, đặc biệt trong quản lý RAM so với Chrome trong nhiều trường hợp; tuy nhiên	esigns.com+3 Rất cá nhân hóa (theme, extensions, privacy settings),	Ưu điểm lớn về bảo mật / quyền riêng tư: chặn trackers,

- la có thể châm hơn Chrome
- Fi hoăc Safari trong các
- benchmark nhất đinh. re
- fo TechRadar+2HighSpeedInter
- net.com+2 X

"Enhanced Tracking Protection", chế đô **Private Browsing** mạnh mẽ, dễ tùy chỉnh

TechRadar+2crossm ediadesigns.com+2

cookies bên thứ ba, ít thu thập dữ liệu người dùng, opensource → minh bach hơn. Nhược điểm có thể là một số trang không tối ưu cho Firefox hoăc các extension có thể chưa đa dang như Chrome.

TechRadar+2crossm ediadesigns.com+2

Bảo mật manh nhờ chế đô bảo vê tracker, chăn sites độc hai, cảnh báo typo domain; tuy nhiên vẫn chia sẻ một số mã nguồn / tính năng với Chrome nên nếu lỗ hồng của Chromium thì Edge cũng có thể bị ảnh hưởng.

Intego+2crossmediad esigns.com+2

Quyền riêng tư là ưu điểm: chăn tracking cross-site, măc đinh nhiều tính năng bảo mật tốt, cập nhật bảo mật đều đặn. Nhược điểm: ít tùy chỉnh hơn, nếu dùng trên Windows (nếu có) hoặc thiết bị không phải Apple sẽ không được tối ưu.

BrowserStack+1

Sử dụng engine Chromium → M

- hiệu suất gần như Chrome ic
- trong nhiều trường hợp; tích ro
- hợp tốt hệ điều hành S
- Windows; tối ưu hóa trên of
- Windows (ví du sử dung ít tài t
- Ε nguyên khi chạy nền, khi dùng
- chế độ Sleeping Tabs ...) d
- HighSpeedInternet.com+2cros g
- е smediadesigns.com+2

S

af

ar

Rất tối ưu trên nền tảng Apple (macOS, iOS): tân dung phần cứng, hiệu suất đồ họa tốt, tuổi tho pin khi duyệt web cao hơn trên thiết bị Apple so với Chrome hoăc Firefox. Trong nhiều benchmark, Safari thường thắng về render và tiết kiêm năng lương. HighSpeedInternet.com+2Bro

wserStack+2

Tính năng bổ sung: SmartScreen, tích hợp với Microsoft 365 / Office, tính năng chia sẻ, Reading mode, Collections, hỗ trợ tiên ích mở rông từ Chrome Store vì cũng dùng Chromium. Intego+1

Tích hợp sâu với Apple ecosystem (iCloud, Continuity, Hand-off, Apple Pay), chế độ Reader, bảo vê quyền riêng tư (tracker blocking), tiết kiêm pin khi dùng trên macOS / iOS. Extension store nhỏ hơn so với Chrome nhưng đủ dùng trong hê sinh thái Apple. elevityit.com+2Intego

## 3. Các bước hoạt động cơ bản khi người dùng nhập URL

Dưới đây là quy trình chung khi bạn gõ một URL vào thanh địa chỉ và nhấn Enter:

Bước	Mô tả
1. Nhập URL / nhấn Enter	Trình duyệt nhận URL (ví dụ <a href="https://www.example.com/path">https://www.example.com/path</a> ).
2. Phân tích URL	Tách các thành phần: protocol (http/https), domain, path, query string, fragment nếu có.
3. Kiểm tra cache DNS / cache trình duyệt 4. Thiết lập	Browser kiểm tra xem domain đã được phân giải (DNS lookup) trước đó chưa trong cache local; nếu có dùng luôn IP. Nếu không: thực hiện truy vấn DNS. <u>Amazon Web Services, Inc.+1</u>
kết nối mạng (TCP và TLS nếu https) 5. Gửi yêu	Thiết lập kết nối TCP tới máy chủ IP đã có; nếu là HTTPS thì thực hiện bước bắt tay TLS/SSL để mã hóa.
cầu HTTP / HTTPS (Request) 6. Máy chủ	Browser gửi yêu cầu HTTP hoặc HTTPS tới máy chủ, bao gồm các headers: User-Agent, cookies, etc.
xử lý yêu cầu & trả dữ liệu (Response)	Máy chủ trả về mã trạng thái (200, 404, 500), cùng nội dung HTML, CSS, JS, hình ảnh, các tài nguyên khác.
7. Parsing (Phân tích) & Rendering (Hiển thị)	Trình duyệt phân tích HTML → xây DOM tree; phân tích CSS → xây CSSOM; kết hợp để tạo render tree; layout → paint để hiển thị. JS có thể can thiệp và thay đổi DOM / CSS. <u>Stack</u> Overflow+2blog.bytebytego.com+2
8. Tải thêm tài nguyên phụ trợ	Trong HTML có các tài nguyên liên kết (script, style, hình ảnh, font), trình duyệt gửi các request phụ trợ để tải chúng.
9. Tương tác & hoàn thiện	Khi trang load xong, trình duyệt kích hoạt các sự kiện như DOMContentLoaded, load; người dùng có thể tương tác (click link, nhập form, cuộn), các script tiếp tục chạy nếu deferred / async.

## 4. Tổng kết so sánh

 Hiệu suất: Safari và Edge (trên Windows, Chromium-base) thường tối ưu tốt;
 Chrome rất đa năng nhưng nặng tài nguyên. Firefox hơi chậm hơn trong các benchmark nhưng bù lại bằng tối ưu bộ nhớ và quyền riêng tư.

- **Tính năng**: Chrome có lượng extension lớn, tiện ích phong phú; Firefox nổi bật trong tùy chỉnh và privacy; Edge có tích hợp hệ sinh thái Microsoft; Safari đi sâu vào iOS/macOS và đồng bộ Apple.
- Bảo mật & quyền riêng tư: Chrome rất mạnh về bảo mật kỹ thuật (sandbox, cảnh báo site độc hại ...) nhưng có nhiều lo ngại về dữ liệu người dùng; Firefox & Safari nổi bật về privacy; Edge cũng có các biện pháp bảo vệ; tuy nhiên trình duyệt nào cũng có rủi ro nếu người dùng dùng extension độc hại, không cập nhật